

Biểu số 12

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)

Đơn vị: Triệu đồng

[illegible]

[illegible]

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí (Không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)		Vốn còn thiếu so với giá trị quyết toán hoặc KLTH đến 31/10/2020		Dự kiến KH năm 2021 nguồn ngân sách tỉnh	Số dự án
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						
6.6	Công trình dự kiến khởi công mới năm 2021				280.228	280.228	-	-	-	200	-	-	-	20.000	1
6.7	Tạm thời chưa bố trí vốn cho các công trình không có khả năng giải ngân, tạm dừng tại điểm dừng kỹ thuật hoặc chờ quyết toán				348.740	331.778	-	80.696	80.696	160.355	146.714	4.655	4.655	-	16
C	CHI TIẾT PHÂN BỐ CHO CÁC DỰ ÁN PHẦN TỈNH TRỰC TIẾP QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH				19.678.240	12.606.893	-	1.690.146	1.078.422	4.422.835	2.117.422	1.046.518	1.026.294	1.388.760	142
	Cụ thể như sau:				-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
I	BỐ TRÍ VỐN LẬP QUY HOẠCH TỈNH NAM ĐỊNH				57.655	57.655	-	-	-	10.000	10.000	-	-	20.000	1
d	Các công trình chuyển tiếp				57.655	57.655	-	-	-	10.000	10.000	-	-	20.000	1
	- Quy hoạch tỉnh Nam Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tỉnh ND	20-22	992/QĐ-TTg (10/7/20)	57.655	57.655				10.000	10.000			20.000	1
II	BỐ TRÍ VỐN ĐỀ ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH				39.000	39.000	-	-	-	15.000	15.000	-	-	10.000	1
d	Các công trình chuyển tiếp				39.000	39.000	-	-	-	15.000	15.000	-	-	10.000	1
1	- Xây dựng Trung tâm phục vụ hành chính công - Trung tâm xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Nam Định	TPND	20-22	1540 (30/6/20)	39.000	39.000				15.000	15.000	-	-	10.000	1
III	BỐ TRÍ CHO CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM				9.051.960	6.522.144	-	271.228	9.232	2.455.737	830.617	226.620	226.620	550.000	9
d	Các công trình chuyển tiếp				9.051.960	6.522.144	-	271.228	9.232	2.455.737	830.617	226.620	226.620	550.000	9
1	- Xây dựng đường trục phát triển nổi vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình (Giai đoạn I)	Ý Yên Nghĩa Hưng	17-21	1710 (31/7/17) 1410 (08/7/19) 1589/QĐ-TTg (15/10/20) 2806 (25/11/20)	2.839.000	1.639.000				1.493.617	293.617	-	-	200.000	1

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí (Không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)		Vốn còn thiếu so với giá trị quyết toán hoặc KLTH đến 31/10/2020		Dự kiến KH năm 2021 nguồn ngân sách tỉnh	Số dự án
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						
2	- Xây dựng tuyến đường bộ ven biển, đoạn qua tỉnh Nam Định	Giao Thủy, Hải Hậu, Nghĩa Hưng	20-24	132/QĐ-TTg (17/01/20) 1135 (15/5/20)	2.655.270	1.655.270				246.000	1.000	-	-	80.000	1
3	- Xây dựng Tỉnh lộ 485B đoạn từ đê hữu sông Đào đến Quốc lộ 21B	Vụ Bản, Mỹ Lộc	18-23	2331 (23/10/18)	563.908	563.908				102.400	102.400	-	-	25.000	1
4	- Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 487B, tỉnh Nam Định	Nam Trực, Nghĩa Hưng	19-22	1950 (07/9/18) 388 (27/02/20)	250.099	250.099				131.000	131.000	95.000	95.000	25.000	1
5	- Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 488B huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định	Trực Ninh	18-22	1767 (21/8/18) 1910 (09/9/19)	324.050	324.050				111.000	111.000	44.801	44.801	25.000	1
6	- Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 488C, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Nghĩa Hưng	19-23	1958 (13/9/19)	148.817	148.817				2.300	2.300	86.819	86.819	50.000	1
7	- Đầu tư xây dựng khu Trung tâm lễ hội thuộc khu di tích lịch sử - văn hóa thời Trần tại tỉnh Nam Định	TPND	17-24	2095/QĐ-TTg (02/11/16) 2448 (30/10/17) 2547 (15/11/19) 2681 (09/11/20)	734.029	666.209				218.120	150.300	-	-	30.000	1
8	- Xây dựng Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định (Dự án đã quyết toán hạng mục)	TPND	06-25	577 (27/2/06); 2739 (20/11/09) 2170 (01/9/20)	1.467.322	1.205.326	2450 (22/12/14) 983 (14/5/19) 1491 (19/7/19)	271.228	9.232	146.300	34.000	-	-	100.000	1
9	- Dự án quốc phòng (Dự án mật)	Vụ Bản, Ý Yên	20-23	76 (13/7/20)	69.465	69.465				5.000	5.000	-	-	15.000	1
IV	BỐ TRÍ THU HỒI VỐN ỨNG CHO GPMB CỦA CÁC DỰ ÁN				6.825.222	3.065.192	-	-	-	-	-	-	-	291.923	9
a	Các công trình ứng vốn từ Quỹ PT đất trước năm 2016				3.986.222	1.426.192	-	-	-	-	-	-	-	91.923	8

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí (Không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)		Vốn còn thiếu so với giá trị quyết toán hoặc KLTH đến 31/10/2020		Dự kiến KH năm 2021 nguồn ngân sách tỉnh	Số dự án
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						
1	- Xây dựng tuyến đường bộ mới nối QL10 với QL21 và cầu Tân Phong vượt sông Đào - QL21B (phía Đông Nam TPND), tỉnh Nam Định	TPND	16-20	1330 (9/7/15) 1977 (5/10/15) 2569 (02/12/15)	228.313	228.313								6.110	1
2	- Cùm nhà ở sinh viên tập trung TPND	TPND	09-14	1341 (01/7/09)	297.489	57.289								1.623	1
3	- Đầu tư xây dựng khẩn cấp kiên cố hóa mặt đê biển đoạn từ phà Thịnh Long đến cống Quần Vinh I (tương ứng K0-6+700) đê biển huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Nghĩa Hưng	09-12	90 (13/01/09) 1482 (22/7/10)	50.456	2.591								1.520	1
4	- Nâng cấp, cải tạo tỉnh lộ 486B (đường 56 cũ)	Nghĩa Hưng	11-15	1855 (23/11/12) 498 (9/4/13) 1863 (8/11/13)	959.164	109.164								25.456	1
5	- Nâng cấp hệ thống công trình phòng chống lụt bão đê hữu sông Hồng và tả sông Đào TP Nam Định	TPND	11-24	1644 (27/9/11) 1393 (15/6/20)	996.345	644.812								8.379	1
6	- Khu văn hóa Trần	TPND, H.Mỹ Lộc	05-15	252 (12/10/05)	990.000	190.000								31.335	1
7	- Xây dựng khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão cửa Ninh Cơ, huyện Nghĩa Hưng	Nghĩa Hưng	10-22	736 (6/4/10) 631/UBND-VP5 (27/8/18)	214.854	13.322								8.800	1
8	- Khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão kết hợp bến cá cửa Hà Lạn, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	Giao Thủy	13-24	1621 (24/10/12) 2679 (21/11/17) 2603 (21/11/19) 2937 (25/12/19) 96 (10/01/20)	249.601	180.701								8.700	1
b	Các công trình ứng vốn từ Quỹ PT đất trong giai đoạn 2016-2020				2.839.000	1.639.000	-	-	-	-	-	-	-	200.000	1

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí (Không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)		Vốn còn thiếu so với giá trị quyết toán hoặc KLTH đến 31/10/2020		Dự kiến KH năm 2021 nguồn ngân sách tỉnh	Số dự án
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						
1	- Xây dựng đường trục phát triển nổi vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình (Giai đoạn I)	Ý Yên Nghĩa Hưng	17-21	1710 (31/7/17) 1410 (08/7/19) 1589/QĐ-TTg (15/10/20) 2806 (25/11/20)	2.839.000	1.639.000								200.000	1
V	KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ				102.827	102.827	-	-	-	60.569	60.569	39.034	39.034	4.380	4
c	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán				33.831	33.831	-	-	-	25.380	25.380	8.105	8.105	1.230	2
1	- Xây dựng Trạm giống cây lâm nghiệp tại xã Nam Cường, huyện Nam Trực	Nam Trực	15-18	2244 (30/10/15)	28.235	28.235				22.080	22.080	6.155	6.155	930	1
2	- Xây dựng Sân giao dịch công nghệ, thiết bị và hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh Nam Định	TPND	17-18	3117 (29/12/17)	5.596	5.596				3.300	3.300	1.950	1.950	300	1
d	Các công trình chuyển tiếp				68.996	68.996	-	-	-	35.189	35.189	30.929	30.929	3.150	2
1	- Đầu tư xây dựng trại thực nghiệm công nghệ cao giống gia súc gia cầm đặc sản Hải Sơn	Hải Hậu	16-20	2850 (09/12/16)	61.718	61.718				32.189	32.189	27.529	27.529	2.800	1
2	- Cải tạo, sửa chữa tòa nhà 9 tầng thuộc sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nam Định	TPND	18-20	152 (22/01/18) 322 (18/02/20)	7.278	7.278				3.000	3.000	3.400	3.400	350	1
VI	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP				158.390	136.390	-	72.924	55.324	94.277	72.277	50.063	50.063	10.475	11
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán đến 31/12/2019				14.979	10.579		14.825	10.425	12.220	7.820	2.605	2.605	2.605	1
1	- Xây dựng nhà đa năng, nhà công vụ và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Vũ Văn Hiếu, huyện Hải Hậu	Hải Hậu	18-20	2387 (29/10/18) 2650 (26/11/18)	14.979	10.579	3006 (31/12/19)	14.825	10.425	12.220	7.820	2.605	2.605	2.605	1
b	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán từ 01/01/2020 đến 31/10/2020				59.145	45.945	-	58.099	44.899	38.597	25.397	19.502	19.502	3.940	4

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí (Không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)		Vốn còn thiếu so với giá trị quyết toán hoặc KLTH đến 31/10/2020		Dự kiến KH năm 2021 nguồn ngân sách tỉnh	Số dự án
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						
1	- Xây dựng nhà đa năng, cải tạo nâng cấp 21 phòng học và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Trần Văn Bảo, huyện Nam Trực	Nam Trực	18-20	1931 (05/9/18) 2650 (26/11/18)	14.853	10.453	951 (20/4/20)	14.732	10.332	8.570	4.170	6.162	6.162	1.240	1
2	- Xây dựng nhà 3 tầng và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Nguyễn Khuyến, thành phố Nam Định	TPND	18-20	1099 (28/5/18) 2650 (26/11/18)	14.488	10.088	1759 (21/7/20)	13.991	9.591	11.300	6.900	2.691	2.691	550	1
3	- Sửa chữa, cải tạo Trung tâm đào tạo vận động viên tỉnh Nam Định	TPND	18-20	1997 (13/9/18) 226 (30/01/20)	14.845	14.845	1760 (21/7/20)	14.535	14.535	10.837	10.837	3.698	3.698	750	1
4	- Xây dựng nhà học bộ môn, nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Lý Nhân Tông, huyện Ý Yên	Ý Yên	18-20	2386 (29/10/18) 2650 (26/11/18)	14.959	10.559	2383 (23/9/20)	14.841	10.441	7.890	3.490	6.951	6.951	1.400	1
c	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán				44.330	44.330	-	-	-	29.290	29.290	15.036	15.036	2.330	3
1	- Xây dựng nhà đa năng, nhà công vụ và các hạng mục phụ trợ Trường THPT An Phúc, huyện Hải Hậu	Hải Hậu	16-18	2185 (03/10/16)	14.344	14.344				12.210	12.210	2.134	2.134	320	1
2	- Xây dựng nhà 3 tầng 21 phòng học và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Hoàng Văn Thụ, huyện Vụ Bản	Vụ Bản	18-20	1816 (27/8/18)	14.994	14.994				13.430	13.430	1.560	1.560	300	1
3	- Xây dựng nhà đa năng, nhà công vụ giáo viên, cải tạo nhà hiệu bộ và các công trình phụ trợ Trường THPT Xuân Trường B, huyện Xuân Trường	Xuân Trường	19-21	305 (31/01/19)	14.992	14.992				3.650	3.650	11.342	11.342	1.710	1
d	Các công trình chuyển tiếp				39.936	35.536	-	-	-	14.170	9.770	12.920	12.920	1.600	3
1	- Xây dựng nhà công vụ, sửa chữa nhà chức năng, các phòng họp tổ chuyên môn và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Mỹ Lộc, huyện Mỹ Lộc	Mỹ Lộc	18-21	2848 (13/12/18) 692 (30/3/20)	14.976	14.976				5.770	5.770	7.320	7.320	740	1
2	- Xây dựng nhà đa năng, nhà công vụ và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Đỗ Huy Liệu, huyện Ý Yên	Ý Yên	19-21	2411 (30/10/19)	14.964	10.564				6.400	2.000	5.600	5.600	560	1

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí (Không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)		Vốn còn thiếu so với giá trị quyết toán hoặc KLTH đến 31/10/2020		Dự kiến KH năm 2021 nguồn ngân sách tỉnh	Số dự án
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						
3	- Sửa chữa, cải tạo Trung tâm đào tạo vận động viên tỉnh Nam Định (Giai đoạn II)	TPND	20-21	1677 (14/7/20)	9.996	9.996				2.000	2.000	-	-	300	1
VII	NGÂN SÁCH TỈNH ĐÓI ỨNG CÁC DỰ ÁN ODA				7.284	7.284	-	-	-	5.720	5.720	-	-	1.564	2
d	Các công trình chuyển tiếp				7.284	7.284	-	-	-	5.720	5.720	-	-	1.564	2
1	- Giám sóng ổn định bãi và trồng rừng ngập mặn bảo vệ nam Cồn Xanh, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Nghĩa Hưng	15-21	1226 (30/06/15) 2889 (12/12/16)	164	164				-	-	-	-	164	1
3	- Hợp phần khôi phục, cải tạo đường địa phương thuộc Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)	Tỉnh ND	16-21	622/QĐ-BGTVT (2/3/16) 3217 (30/12/16) 1500 (18/7/18) 2253 (14/10/19) 2198 (04/9/20)	7.120	7.120				5.720	5.720			1.400	1
VIII	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIỆM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN				1.024.385	495.063	-	548.846	287.040	679.707	170.059	266.378	257.835	100.207	27
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán đến 31/12/2019				358.079	190.562	-	350.585	183.784	268.854	114.493	73.450	69.291	69.291	11
1	- Xử lý khẩn cấp kè Hồng Hà đoạn từ K160+500 đến K161+320 đê hữu Hồng, huyện Mỹ Lộc	Mỹ Lộc	17-18	2038 (07/9/17) 2502 (03/11/17)	14.500	14.500	1818 (29/8/19)	13.644	13.644	12.330	12.330	1.314	1.314	1.314	1
2	- Xử lý cấp bách kè Mặt Lãng đoạn từ K183+020 đến K183+640 và gia cố mặt đê đoạn từ K184+730 đến K185+240 đê hữu Hồng, huyện Trực Ninh	Trực Ninh	17-18	2173 (25/9/17)	14.295	14.295	1820 (29/8/19)	12.767	12.767	11.667	11.667	1.100	1.100	1.100	1
3	- Xử lý cấp bách hư hỏng mái đê Phú Văn xã Hải Ninh, K39+000 - K39+500 đê tả Ninh - Hải Hậu do bão số 10 tháng 9 năm 2017 gây ra	Hải Hậu	18-19	1074 (25/5/18)	8.000	2.000	105/QĐ-STC (24/9/19)	7.523	1.523	6.600	600	923	923	923	1
4	- Xử lý cấp bách một số sự cố xảy ra do đợt mưa, lũ tháng 10 năm 2017 trên tuyến đê hữu Ninh và đê Thanh Hương, đê biên huyện Nghĩa Hưng	Nghĩa Hưng	18-19	1572 (26/7/18) 2987 (26/12/18)	11.836	2.836	2092 (27/9/19)	11.126	2.126	10.072	1.072	1.054	1.054	1.054	1

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí (Không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)		Vốn còn thiếu so với giá trị quyết toán hoặc KLTH đến 31/10/2020		Dự kiến KH năm 2021 nguồn ngân sách tỉnh	Số dự án
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						
5	- Nạo vét đoạn kênh tiêu T3 từ cầu Ốc đến bãi xe Đền Trần thuộc hệ thống thủy nông Mỹ Thành	Mỹ Lộc	18-19	73 (14/01/19)	4.988	4.988	160/QĐ-STC (21/11/19)	4.706	4.706	2.460	2.460	2.246	2.246	2.246	1
6	- Xử lý cấp bách mái đê phía sông đoạn K7+150 đến K7+190 và đoạn K14+500 đến K16+000 đê hữu Đào; Hoàn thiện gia cố mặt đê bê tông đoạn từ K0+700 đến K4+500 tuyến đê Đồng Tâm, huyện Vụ Bản	Vụ Bản	17-19	773 (12/4/18) 1202 (10/6/19)	14.900	6.900	2737 (09/12/19)	14.679	6.773	13.241	5.336	1.437	1.437	1.437	1
7	- Củng hóa mặt đê bồi sông Đáy xã Yên Trị, Yên Đồng và Yên Nhân, huyện Ý Yên	Ý Yên	18-20	3011 (25/12/17)	41.093	20.547	2994 (30/12/19)	39.847	19.923	18.350	2.350	21.497	17.573	17.573	1
8	- Nạo vét, kiên cố kênh Cát Xuyên (tuyến chính), thuộc hệ thống thủy nông Xuân Thủy, huyện Xuân Trường	x.Trường	16-19	145 (19/01/16) 171 (21/01/19) 1504 (22/7/19)	152.995	91.595	2383 (25/10/19)	151.759	90.359	119.540	66.420	23.939	23.939	23.939	1
9	- Nạo vét, kiên cố 03 tuyến kênh xã Yên Phong, thuộc hệ thống thủy nông Ý Yên	Ý Yên	18-19	1309 (26/6/18) 795 (16/4/19)	17.990	12.952	2525 (13/11/19)	17.513	12.475	5.038	-	12.475	12.475	12.475	1
10	- Xử lý cấp bách sự cố kè Cồn Ba - Cồn Tư, tuyến đê Hữu Hồng, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	Giao Thủy	18-20	2634 (21/11/18)	9.000	3.000	223/QĐ-STC (26/12/19)	8.539	2.539	5.765	-	2.774	2.539	2.539	1
11	- Phần đã quyết toán thuộc dự án Nâng cấp hệ thống công trình phòng chống lụt bão đê hữu sông Hồng và đê tả sông Đào, thành phố Nam Định: Hạng mục công trình: Xử lý khẩn cấp kè Tam Phú - Ngõ Xá (đoạn từ K165+800 đến K166+500) hữu Hồng; Khối lượng công việc hoàn thành: Xây lắp kè thành phố đoạn từ K0+705-:- K4+800 đê tả Đào thành phố Nam Định	TPND	11-24	1644 (27/9/11) 1393 (15/6/20)	68.482	16.949	2963 (27/12/19) 2964 (27/12/19)	68.482	16.949	63.791	12.258	4.691	4.691	4.691	1
b	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán từ 01/01/2020 đến 31/10/2020				198.232	105.646	-	194.515	103.156	118.193	31.218	76.322	71.938	15.296	9
1	- Xử lý khẩn cấp kè Quy Phú tương ứng K177++900 đến K180+050 đê hữu Hồng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định (Giai đoạn I)	Nam Trực	17-23	2747 (29/11/17) 2269 (14/9/20)	71.877	21.877	1668 (10/7/20)	71.877	21.877	50.300	300	21.577	21.577	4.540	1
2	- Xử lý cấp bách một số đoạn đê xung yếu bị sự cố do mưa, lũ tháng 10 năm 2017 xảy ra trên tuyến đê tả Đáy, huyện Ý Yên	Ý Yên	18-19	1445 (13/7/18)	14.900	1.900	983 (22/4/20)	14.116	1.116	13.600	600	516	516	516	1

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí (Không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)		Vốn còn thiếu so với giá trị quyết toán hoặc KLTH đến 31/10/2020		Dự kiến KH năm 2021 nguồn ngân sách tỉnh	Số dự án
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						
3	- Xử lý khẩn cấp đê kè Kiên Chính và hệ thống mố kè giữ bãi đoạn từ K10+460 đến K11+562, thuộc tuyến đê biển huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (hạng mục công số 4 và đường cứu hộ PCLB)	Hải Hậu	16-19	86 (16/5/16)	22.000	22.000	980 (22/4/20)	22.000	22.000	9.780	9.780	12.220	12.220	2.440	1
4	- Xử lý cấp bách các hư hỏng bờ bao xã Yên Bằng, huyện Ý Yên bị nước tràn làm xói mất và vỡ do lũ sông Đáy ngày 11 tháng 10 năm 2017 gây ra	Ý Yên	18-19	1446 (13/7/18)	10.000	3.000	981 (22/4/20)	9.492	2.492	7.740	740	1.752	1.752	350	1
5	- Cải tạo, nâng cấp đường phòng chống lụt bão xã Giao Thiện, huyện Giao Thủy	Giao Thủy	17-19	2462 (31/10/17)	14.900	7.450	1647 (10/7/20)	14.588	7.188	9.698	2.298	4.890	4.890	980	1
6	- Cải tạo, nâng cấp kênh Quy Độ B (đoạn từ K0C0 đến K2C0) thuộc hệ thống thủy nông Ý Yên, tỉnh Nam Định	Ý Yên	16-20	509 (11/3/16) 2047 (07/9/17) 2691 (21/11/17) 1066 (06/5/20)	19.559	4.423	1665 (10/7/20)	18.382	4.423	12.475	2.900	5.907	1.523	320	1
7	- Nạo vét, kiên cố hóa kênh Cổ Lễ - Cát Chừ (đoạn từ cầu Điện Biên đến Ngắt Kéo) thuộc hệ thống thủy nông Nam Ninh, tỉnh Nam Định	Trực Ninh	18-20	2160 (04/10/18) 2742 (10/12/19)	14.999	14.999	2352 (22/9/20)	14.576	14.576	2.300	2.300	12.276	12.276	2.470	1
8	- Cải tạo, nâng cấp hệ thống công trình đầu mối phục vụ nuôi trồng thủy sản xã Giao Phong, huyện Giao Thủy	Giao Thủy	19-21	1422 (09/7/19)	14.999	14.999	2621 (29/10/20)	14.606	14.606	10.800	10.800	3.806	3.806	830	1
9	- Cải tạo, nâng cấp hệ thống giao thông, thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản xã Nam Điền, huyện Nghĩa Hưng	Nghĩa Hưng	19-21	2604 (21/11/19)	14.998	14.998	2622 (29/10/20)	14.878	14.878	1.500	1.500	13.378	13.378	2.850	1
c	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán				346.873	92.441	-	3.746	100	271.485	17.960	73.784	73.784	11.330	5
1	- Chuyển đổi diện tích trồng lúa năng suất thấp sang nuôi trồng thủy sản xã Yên Nhân, huyện Ý Yên	Ý Yên	09-15	864 (04/5/09) 2112 (28/11/11) 1962 (30/10/14)	11.004	6.451	1324/QĐ-STC (14/10/11)	3.746	100	7.276	3.630	3.724	3.724	560	1
2	- Dự án tu bổ đê điều thường xuyên năm 2014 tỉnh Nam Định	Tỉnh ND	2014	5416/QĐ-BNN-TCTL (18/12/14)	35.056	15.057				25.039	5.040	10.017	10.017	1.510	1

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí (Không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)		Vốn còn thiếu so với giá trị quyết toán hoặc KLTH đến 31/10/2020		Dự kiến KH năm 2021 nguồn ngân sách tỉnh	Số dự án
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						
3	- Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng chuyển đổi nuôi trồng thủy sản xã Hải Chính, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	Hải Hậu	13-18	1741 (28/10/13) 1683 (27/8/15) 2972 (19/12/16)	45.915	17.035				37.870	8.990	8.045	8.045	1.380	1
4	- Củng cố, nâng cấp kênh C19 thuộc hệ thống thủy nông Vụ Bản	Vụ Bản	19-21	833 (22/4/19)	14.998	13.998				1.000		12.498	12.498	1.900	1
5	- Xử lý cấp bách các công trình đê điều của tỉnh Nam Định bị sự cố do ảnh hưởng của bão, lũ năm 2017	Ý Yên, Trực Ninh, Hải Hậu, Nghĩa Hưng, Giao Thủy	18-19	1051 (21/5/19) 1457 (15/7/19)	239.900	39.900				200.300	300	39.500	39.500	5.980	1
d	Các công trình chuyển tiếp				121.201	106.414	-	-	-	21.175	6.388	42.822	42.822	4.290	2
1	- Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Đê thuộc hệ thống thủy nông Vụ Bản, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	Vụ Bản	13-20	2294 (29/10/10) 1624 (25/10/12) 1038 (20/5/19) 2514 (12/11/19)	106.205	91.418				19.175	4.388	32.825	32.825	3.290	1
2	- Nạo vét, kiên cố hóa kênh Sa Lung 13, kênh Phú Hào, kênh R9 xã Nam Thái thuộc hệ thống thủy nông Nam Ninh, huyện Nam Trực	Nam Trực	20-22	687 (30/3/20) 2249 (10/9/20)	14.996	14.996				2.000	2.000	9.997	9.997	1.000	1
IX	GIAO THÔNG				1.173.356	1.077.062	-	421.990	410.022	490.928	442.130	181.386	181.253	121.357	26
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán đến 31/12/2019				185.106	170.937	-	176.446	168.911	82.679	75.144	86.267	86.267	86.267	9
1	- Cải tạo, nâng cấp đường Vân Nam, huyện Hải Hậu	Hải Hậu	17-19	1263 (08/6/17) 515 (14/3/18)	13.735	13.735	1075 (24/5/19)	12.785	12.785	6.590	6.590	6.195	6.195	6.195	1

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí (Không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)		Vốn còn thiếu so với giá trị quyết toán hoặc KLTH đến 31/10/2020		Dự kiến KH năm 2021 nguồn ngân sách tỉnh	Số dự án
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						
2	- Cải tạo, nâng cấp đường Trung Hòa, huyện Hải Hậu - Giai đoạn II	Hải Hậu	11-13	2371 (10/11/10) 208 (01/2/16) 1795 (23/8/18) 2368 (26/10/18)	50.963	50.963	987 (14/5/19)	50.963	50.963	28.971	28.971	21.992	21.992	21.992	1
3	- Cải tạo, nâng cấp đường Xuân Thủy - Nam Điền, huyện Xuân Trường (đoạn từ Km0+000 đến Km2+600)	Xuân Trường	18-19	1862 (31/8/18)	10.764	3.229	2258 (14/10/19)	10.158	2.623	8.679	1.144	1.479	1.479	1.479	1
4	- Cải tạo, nâng cấp đường Nam Ninh Hải, huyện Trực Ninh (đoạn từ cầu Gai đến chợ Giá)	Trực Ninh	17-19	2323 (16/10/17) 2047 (19/9/18)	14.900	14.900	2257 (14/10/19)	14.751	14.751	6.750	6.750	8.001	8.001	8.001	1
5	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu Vĩnh Tứ đến nhà văn hóa thôn An Sọng xã Yên Tân, huyện Ý Yên	Ý Yên	18-20	1949 (07/9/18)	9.995	9.995	150/QĐ-STC (12/11/19)	9.742	9.742	3.520	3.520	6.222	6.222	6.222	1
6	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Trung Đông - Trực Tuấn, huyện Trực Ninh	Trực Ninh	14-19	1981 (31/10/14) 1150 (05/6/18)	42.632	42.632	2562 (18/11/19)	37.590	37.590	15.579	15.579	22.011	22.011	22.011	1
7	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Liên Bảo, huyện Vụ Bản	Vụ Bản	18-19	667 (29/3/18) 2761 (06/12/18)	14.995	14.995	2563 (18/11/19)	14.868	14.868	5.150	5.150	9.718	9.718	9.718	1
8	- Cải tạo, nâng cấp đường Nam Ninh Hải, huyện Trực Ninh (đoạn từ cổng chợ Sở đến Tỉnh lộ 488B và tuyến nhánh)	Trực Ninh	18-19	1676 (09/8/18)	9.988	9.988	181/QĐ-STC (29/11/19)	9.670	9.670	3.550	3.550	6.120	6.120	6.120	1
9	- Xây dựng hạ tầng 02 khu tái định cư xã Nam Mỹ, huyện Nam Trực phục vụ công tác GPMB dự án xây dựng tuyến đường bộ mới nối QL10 với QL21 và cầu Tân Phong vượt sông Đào - QL21B (phía đông Nam Tp Nam Định), tỉnh Nam Định	Nam Trực	15-16	2149 (23/10/15) 2476 (20/11/15) 1328 (27/6/16)	17.134	10.500	2886 (20/12/19)	15.919	15.919	3.890	3.890	4.529	4.529	4.529	1
b	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán từ 01/01/2020 đến 31/10/2020				43.298	38.801	-	42.188	37.755	12.700	8.400	29.488	29.355	5.910	3
1	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường cứu hộ và phòng chống lụt bão xã Giao Tiến, xã Giao Tân ra đê tả sông Sò, huyện Giao Thủy	Giao Thủy	18-20	2395 (29/10/18) 476 (11/3/19)	14.990	10.493	2350 (22/9/20)	14.777	10.344	6.430	2.130	8.347	8.214	1.660	1

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí (Không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)		Vốn còn thiếu so với giá trị quyết toán hoặc KLTH đến 31/10/2020		Dự kiến KH năm 2021 nguồn ngân sách tỉnh	Số dự án
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						
2	- Cải tạo, nâng cấp đường nối từ Khu công nghiệp Mỹ Trung đến QL38B, huyện Mỹ Lộc	Mỹ Lộc	18-20	2336 (24/10/18)	14.992	14.992	2378 (23/9/20)	14.854	14.854	2.900	2.900	11.954	11.954	2.400	1
3	- Xây dựng cầu Gai trên đường Nam Ninh Hải, huyện Nam Trực	Nam Trực	18-19	1503 (19/7/18)	13.316	13.316	2380 (23/9/20)	12.557	12.557	3.370	3.370	9.187	9.187	1.850	1
c	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán				188.946	184.946	-	13.850	13.850	149.640	148.640	18.389	18.389	2.780	2
1	- Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 485 (57A cũ) đoạn chợ Huyện - Phú Cầu - Cô Đàm huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	Ý Yên	11-16	2273 (29/10/10) 1018 (24/6/13) 2075 (26/11/13) 2210 (05/10/16)	174.179	170.179				147.340	146.340	6.839	6.839	1.030	1
2	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Quốc lộ 37B đến cụm công nghiệp Thịnh Lâm, huyện Giao Thủy	Giao Thủy	19-21	2007 (20/9/19) 1460 (19/6/20)	14.767	14.767	2675 (06/11/20)	13.850	13.850	2.300	2.300	11.550	11.550	1.750	1
d	Các công trình chuyển tiếp				475.778	402.150	-	189.506	189.506	245.709	209.946	47.242	47.242	6.400	11
1	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Chính - Phong huyện Ý Yên	Ý Yên	18-20	1131 (01/6/18) 2910 (19/12/18)	40.500	12.150				23.740	1.240	5.542	5.542	570	1
2	- Cải tạo, nâng cấp đường 57B huyện ý Yên, tỉnh Nam Định (QT khối lượng công việc hoàn thành)	Ý Yên	14-18	2691 (31/12/14) 1671 (26/8/15) 1374 (01/7/16) 774 (18/4/17)	204.412	204.412	3064 (28/12/18)	189.506	189.506	189.506	189.506	-	-	300	1
3	- Cải tạo, nâng cấp đường Nam Ninh Hải, huyện Nam Trực (đoạn từ đường Vàng đến cầu Gai)	Nam Trực	18-20	2370 (26/10/18)	75.036	37.518				12.300	2.300	29.200	29.200	2.930	1
4	- Cải tạo, nâng cấp đường đê Ất Hợi, huyện Mỹ Lộc (Đoạn từ đường 63B xã Mỹ Hà đến đóc La xã Mỹ Tiến)	Mỹ Lộc	19-21	381 (25/02/19)	41.949	41.949				2.300	2.300	3.700	3.700	370	1

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí (Không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)		Vốn còn thiếu so với giá trị quyết toán hoặc KLTH đến 31/10/2020		Dự kiến KH năm 2021 nguồn ngân sách tỉnh	Số dự án
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						
5	- Cải tạo, nâng cấp đường Tam Thanh - Yên Lương	Vụ Bản	19-21	382 (25/02/19)	39.678	39.678				2.300	2.300	2.200	2.200	300	1
6	- Xây dựng đường kết nối từ QL38B đến đường trục xã Yên Dương, huyện Ý Yên	Ý Yên	19-20	1360 (28/6/19)	12.746	12.746				3.300	3.300	4.200	4.200	430	1
7	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Đại lộ Thiên Trường vào UBND xã Mỹ Thắng, huyện Mỹ Lộc	Mỹ Lộc	19-21	2972 (27/12/19)	14.999	13.736				4.263	3.000	-	-	300	1
8	- Cải tạo, nâng cấp đường phòng chống lụt bão xã Bạch Long, huyện Giao Thủy	Giao Thủy	19-21	957 (20/4/20)	12.995	6.498				2.000	-	900	900	300	1
9	- Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Nghĩa Thịnh đoạn từ chợ Hải Lạng đến sông Thành Đồng, huyện Nghĩa Hưng	Nghĩa Hưng	20-22	1244 (25/5/20)	9.826	9.826				2.000	2.000	1.500	1.500	300	1
10	- Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản	Vụ Bản	20-22	1457 (19/6/20)	14.638	14.638				2.000	2.000	-	-	300	1
11	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ đường trục vùng nuôi trồng thủy sản xã Nghĩa Bình, huyện Nghĩa Hưng đến tuyến đường trục phát triển nổi Vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	Nghĩa Hưng	20-22	1989 (13/8/20)	8.999	8.999				2.000	2.000	-	-	300	1
e	Công trình dự kiến khởi công mới năm 2021				280.228	280.228	-	-	-	200	-	-	-	20.000	1
1	- Xây dựng tuyến đường huyện nối từ đê tả Đáy đến đường 57B huyện Ý Yên	Ý Yên	20-24	1755 (21/7/20)	280.228	280.228				200	-	-	-	20.000	1
X	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC				163.161	136.376	-	61.315	56.983	74.274	60.940	73.203	66.155	30.335	12
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán đến 31/12/2019				44.454	44.454	-	43.519	43.519	21.190	21.190	22.329	22.329	22.329	3

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí (Không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)		Vốn còn thiếu so với giá trị quyết toán hoặc KLTH đến 31/10/2020		Dự kiến KH năm 2021 nguồn ngân sách tỉnh	Số dự án
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						
1	- Cải tạo, sửa chữa trụ sở Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Nam Định	TPND	17-19	2553 (08/11/17) 2190 (05/10/18)	6.999	6.999	63/QĐ-STC (26/6/19)	6.690	6.690	4.100	4.100	2.590	2.590	2.590	1
2	- Xây dựng mới nhà làm việc và các hạng mục phụ trợ Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh Nam Định	TPND	17-19	2193 (27/9/17)	23.267	23.267	2543 (14/11/19)	23.035	23.035	12.360	12.360	10.675	10.675	10.675	1
3	- Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Tư pháp tỉnh Nam Định	TPND	19-21	449 (06/3/19)	14.188	14.188	2542 (14/11/19)	13.794	13.794	4.730	4.730	9.064	9.064	9.064	1
b	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán từ 01/01/2020 đến 31/10/2020				18.558	14.078	-	17.796	13.464	6.460	3.460	11.336	10.004	2.866	2
1	- Cải tạo, nâng cấp, lắp đặt thiết bị nhà khách UBND tỉnh phục vụ trung tâm hành chính công tỉnh Nam Định	TPND	19-20	1152 (05/6/19)	3.624	3.624	45/QĐ-STC (31/3/20)	3.356	3.356	2.300	2.300	1.056	1.056	1.056	1
2	- Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc HĐND-UBND huyện Vụ Bản	Vụ Bản	18-20	1368 (02/7/18) 2064 (25/9/19)	14.934	10.454	1736 (17/7/20)	14.440	10.108	4.160	1.160	10.280	8.948	1.810	1
c	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán				74.374	59.564	-	-	-	42.624	33.290	29.038	24.827	3.780	4
1	- Cải tạo, nâng cấp trụ sở Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện Nghĩa Hưng	Nghĩa Hưng	18-20	2422 (31/10/18)	13.402	9.380				3.440	1.140	9.292	8.240	1.250	1
2	- Cải tạo, nâng cấp trụ sở Huyện ủy và xây dựng nhà khách huyện Nghĩa Hưng	Nghĩa Hưng	18-20	2423 (31/10/18)	10.992	7.694				2.940	940	7.457	6.754	1.020	1
3	- Xây dựng Trụ sở làm việc 5 tầng, các hạng mục phụ trợ Đảng ủy khối doanh nghiệp và Đảng ủy khối cơ quan tỉnh Nam Định	TPND	17-20	536 (15/3/17) 1197 (21/5/20)	35.000	35.000				31.210	31.210	2.343	2.343	370	1
4	- Cải tạo, nâng cấp Nhà văn hóa trung tâm huyện, hệ thống hạ tầng kỹ thuật trụ sở Huyện ủy Mỹ Lộc và các hạng mục phụ trợ	Mỹ Lộc	19-21	351 (21/02/20)	14.980	7.490				5.034	-	9.946	7.490	1.140	1
d	Các công trình chuyển tiếp				25.775	18.280	-	-	-	4.000	3.000	10.500	8.995	1.360	3
1	- Cải tạo, sửa chữa trụ sở Huyện ủy - Nhà văn hóa huyện Nam Trực	Nam Trực	19-21	776 (06/4/20)	14.990	7.495				1.000	-	9.000	7.495	760	1

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí (Không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)		Vốn còn thiếu so với giá trị quyết toán hoặc KLTH đến 31/10/2020		Dự kiến KH năm 2021 nguồn ngân sách tỉnh	Số dự án
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						
2	- Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc và các hạng mục phụ trợ Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Nam Định	TPND	20-22	1638 (09/7/20)	6.859	6.859				2.000	2.000	1.500	1.500	300	1
3	- Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Sở Xây dựng	TPND	20-22	1987 (12/8/20)	3.926	3.926				1.000	1.000	-	-	300	1
XI	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH				135.169	130.169	-	78.433	78.433	89.300	88.800	24.711	20.211	4.723	4
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán đến 31/12/2019				80.524	80.524	-	78.433	78.433	76.820	76.820	1.613	1.613	1.613	1
1	- Xây dựng Nhà điều trị 7 tầng và các hạng mục phụ trợ Bệnh viện mắt tỉnh Nam Định	TPND	14-16	1397 (12/8/14)	80.524	80.524	2423 (31/10/19)	78.433	78.433	76.820	76.820	1.613	1.613	1.613	1
c	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán				39.666	34.666	-	-	-	10.480	9.980	23.098	18.598	2.810	2
1	- Xây dựng cơ sở xạ trị - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Nam Định	TPND	14-20	1882 (22/10/14) 75/UBND-VP5 (24/01/18) 576/UBND-VP5 (26/9/19)	24.724	24.724				7.380	7.380	11.256	11.256	1.700	1
2	- Xây dựng nhà kỹ thuật nghiệp vụ và phụ trợ Trung tâm Y tế huyện Xuân Trường	Xuân Trường	19-20	1400 (05/7/19)	14.942	9.942				3.100	2.600	11.842	7.342	1.110	1
d	Các công trình chuyển tiếp				14.979	14.979	-	-	-	2.000	2.000	-	-	300	1
1	- Xây dựng nhà điều trị bệnh nhân khoa Cấp cứu 3 tầng và các hạng mục phụ trợ Bệnh viện Tâm thần tỉnh Nam Định	TPND	20-22	1776 (22/7/20)	14.979	14.979				2.000	2.000	-	-	300	1
XII	VĂN HÓA				7.561	7.561	-	-	-	2.200	2.200	339	339	300	1
d	Các công trình chuyển tiếp				7.561	7.561	-	-	-	2.200	2.200	339	339	300	1

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí (Không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)		Vốn còn thiếu so với giá trị quyết toán hoặc KLTH đến 31/10/2020		Dự kiến KH năm 2021 nguồn ngân sách tỉnh	Số dự án
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						
1	- Khai quật, thăm dò khảo cổ học thực hiện dự án Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích lịch sử - văn hóa thời Trần tại tỉnh Nam Định	TPND, Mỹ Lộc	15-16	2715 (31/12/14)	7.561	7.561				2.200	2.200	339	339	300	1
XIII	THỂ DỤC, THỂ THAO				16.085	16.085	-	15.718	15.718	7.600	7.600	8.118	8.118	8.118	1
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán đến 31/12/2019				16.085	16.085		15.718	15.718	7.600	7.600	8.118	8.118	8.118	1
1	- Sửa chữa, cải tạo Sân vận động Thiên Trường	TPND	18-19	750 (11/4/18) 2189 (05/10/18)	16.085	16.085	972 (10/5/19)	15.718	15.718	7.600	7.600	8.118	8.118	8.118	1
XIV	PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN				32.931	7.880	-	25.313	2.881	24.052	1.620	2.261	2.261	2.561	2
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán đến 31/12/2019				27.932	2.881	-	25.313	2.881	23.052	620	2.261	2.261	2.261	1
1	- Mua sắm nâng cấp trang thiết bị kỹ thuật cho Trung tâm Phát thanh - Truyền hình tỉnh Nam Định	TPND	16-18	2442 (28/10/16) 122 (13/01/17)	27.932	2.881	1471 (16/7/19)	25.313	2.881	23.052	620	2.261	2.261	2.261	1
d	Các công trình chuyển tiếp				4.999	4.999	-	-	-	1.000	1.000	-	-	300	1
1	- Cải tạo, nâng cấp và sửa chữa Trung tâm kỹ thuật Phát thanh và Truyền hình tỉnh Nam Định	TPND	20-22	1926 (04/8/20) 2419 (30/9/20)	4.999	4.999				1.000	1.000	-	-	300	1
XV	QUỐC PHÒNG				315.817	315.817	-	27.579	27.579	176.227	176.227	110.040	110.040	22.806	7
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán đến 31/12/2019				13.171	13.171	-	12.922	12.922	5.930	5.930	6.992	6.992	6.992	1
1	- Xây dựng trạm kiểm soát Biên phòng Hà Lạn thuộc Đồn Biên phòng Quất Lâm (88), Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Nam Định	Hải Hậu	18-20	1388 (04/7/18) 1011 (16/5/19)	13.171	13.171	2541 (14/11/19)	12.922	12.922	5.930	5.930	6.992	6.992	6.992	1
c	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán				249.680	249.680	-	14.657	14.657	163.997	163.997	85.348	85.348	13.704	3

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí (Không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)		Vốn còn thiếu so với giá trị quyết toán hoặc KLTH đến 31/10/2020		Dự kiến KH năm 2021 nguồn ngân sách tỉnh	Số dự án
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						
1	- Cải tạo, nâng cấp khẩn cấp tuyến đường phòng chống lụt bão, đảm bảo an ninh quốc phòng từ QL38B đến đường Chợ Lội - Đại Thắng đi đê hữu Đào tỉnh Nam Định	Vụ bản	14-17	1768A (7/10/14) 1197 (01/6/17)	219.691	219.691				158.526	158.526	61.165	61.165	9.834	1
2	- Xây mới nhà ăn, nhà bếp, khán đài và cải tạo nâng cấp nhà ở Đại đội Trinh sát thuộc Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Nam Định	TPNĐ	19-21	834 (22/4/19)	14.990	14.990	2676 (06/11/20)	14.657	14.657	3.171	3.171	11.486	11.486	1.750	1
3	- Cải tạo và xây dựng một số hạng mục Đại đội huấn luyện, cơ động thuộc Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Nam Định	Nghĩa Hưng	19-21	2213 (09/10/19)	14.999	14.999				2.300	2.300	12.697	12.697	2.120	1
d	Các công trình chuyển tiếp				52.966	52.966	-	-	-	6.300	6.300	17.700	17.700	2.110	3
1	- Xây mới, cải tạo, nâng cấp doanh trại Trung đoàn 180 thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Nam Định	Hải Hậu	19-21	2422 (31/10/19)	22.978	22.978				2.300	2.300	12.700	12.700	1.290	1
2	- Xây mới, cải tạo, nâng cấp doanh trại Kho vũ khí đạn Gôli thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Nam Định	Vụ Bản	20-22	1357 (10/6/20)	14.990	14.990				2.000	2.000	5.000	5.000	520	1
3	- Xây mới và cải tạo, nâng cấp các hạng mục công trình thuộc cơ quan Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Nam Định	TPNĐ	20-22	1990 (13/8/20) 2263 (11/9/20)	14.998	14.998				2.000	2.000	-	-	300	1
XVI	AN NINH VÀ TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI				123.830	123.830	-	45.964	45.964	25.047	25.047	38.312	38.312	29.217	5
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán đến 31/12/2019				46.935	46.935	-	45.964	45.964	18.447	18.447	27.517	27.517	27.517	2
1	- Giai đoạn I Nhà làm việc phòng chống phản động - khủng bố, Nhà làm việc phòng an ninh chính trị nội bộ, Nhà huấn luyện võ thuật quân sự và sân điều lệnh - thể thao Công an tỉnh Nam Định	TPNĐ	17-20	2466 (31/10/16)	32.936	32.936	2415 (31/10/19)	32.348	32.348	15.357	15.357	16.991	16.991	16.991	1

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí (Không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)		Vốn còn thiếu so với giá trị quyết toán hoặc KLTH đến 31/10/2020		Dự kiến KH năm 2021 nguồn ngân sách tỉnh	Số dự án
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						
2	- Xây dựng các hạng mục phụ trợ của Trung tâm chỉ huy, cơ sở làm việc khối an ninh và trực thuộc Công an tỉnh Nam Định	TPND	18-20	2676 (29/11/18)	13.999	13.999	2990 (30/12/19)	13.616	13.616	3.090	3.090	10.526	10.526	10.526	1
d	Các công trình chuyển tiếp				76.895	76.895	-	-	-	6.600	6.600	10.795	10.795	1.700	3
1	- Giai đoạn II Nhà làm việc phòng chống phản động - khủng bố, Nhà làm việc phòng an ninh chính trị nội bộ, Nhà huấn luyện võ thuật quân sự và sân điều lệnh - thể thao Công an tỉnh Nam Định	TPND	20-21	2466 (31/10/16) 306 (14/2/20) 2415 (30/9/20)	12.005	12.005				800	800	-	-	300	1
2	- Xây dựng trung tâm cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tại khu vực huyện Nghĩa Hưng	Nghĩa Hưng	18-20	2483 (05/11/18)	19.990	19.990				3.800	3.800	10.795	10.795	1.100	1
3	- Xây dựng Nhà làm việc phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, hình sự, văn phòng cơ quan Cảnh sát điều tra và các hạng mục phụ trợ thuộc Công an tỉnh Nam Định	TPND	20-22	1978 (11/8/20)	44.900	44.900				2.000	2.000	-	-	300	1
XVII	MÔI TRƯỜNG				19.732	8.732	-	-	-	11.600	600	1.500	1.500	620	2
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán				8.400	2.400	-	-	-	6.600	600	1.500	1.500	320	1
1	- Xây dựng tường rào tại xã Mỹ Thành thuộc dự án mở rộng khu xử lý rác thải thành phố Nam Định	Mỹ Lộc	18-20	2158 (03/10/18) 1609 (06/7/20)	8.400	2.400				6.600	600	1.500	1.500	320	1
d	Các công trình chuyển tiếp				11.332	6.332	-	-	-	5.000	-	-	-	300	1
1	- Xây dựng các hạng mục xử lý môi trường làng nghề Bình Yên, xã Nam Thanh, huyện Nam Trực (Giai đoạn I)	Nam Trực	19-21	2436 (02/10/20)	11.332	6.332				5.000	-	-	-	300	1
XVIII	DU LỊCH				75.135	26.048	-	40.140	8.550	40.242	1.302	19.898	19.898	8.548	2
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán đến 31/12/2019				40.140	8.550		40.140	8.550	32.892	1.302	7.248	7.248	7.248	1

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí (Không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)		Vốn còn thiếu so với giá trị quyết toán hoặc KLTH đến 31/10/2020		Dự kiến KH năm 2021 nguồn ngân sách tỉnh	Số dự án
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh						
1	- Cải tạo, nâng cấp đường du lịch Thịnh Long, huyện Hải Hậu (đoạn nối từ QL21 đến đường trục chính khu du lịch) - GĐI	HH	15-19	1933 (28/10/14) 46 (07/01/20)	40.140	8.550	2204 (09/10/19)	40.140	8.550	32.892	1.302	7.248	7.248	7.248	1
d	Các công trình chuyển tiếp				34.995	17.498	-	-	-	7.350	-	12.650	12.650	1.300	1
1	- Cải tạo, nâng cấp đường du lịch Thịnh Long, huyện Hải Hậu (đoạn nối từ QL21 đến đường trục chính khu du lịch) - GĐII	HH	15-21	1933 (28/10/14) 46 (07/01/20)	34.995	17.498				7.350	-	12.650	12.650	1.300	1
XIX	TẠM THỜI CHƯA BỐ TRÍ VỐN CHO CÁC CÔNG TRÌNH KHÔNG CÓ KHẢ NĂNG GIẢI NGÂN, TẠM DỪNG TẠI ĐIỂM DỪNG KỸ THUẬT HOẶC CHỜ QUYẾT TOÁN				348.740	331.778	-	80.696	80.696	160.355	146.714	4.655	4.655	-	16
1	- Xây dựng trung tâm dữ liệu tỉnh Nam Định	TPND	13-15	TB165 (23/9/13)	75.461	75.461				-	-	-	-		1
2	- Xây dựng, cải tạo, nâng cấp Bệnh viện nội tiết tỉnh Nam Định	TPND	16-20	2690 (11/12/15)	67.000	67.000				2.000	2.000	-	-		1
3	- Nhà truyền thống Công an tỉnh Nam Định	TPND	07-08	161 (17/1/06) 1430 (9/7/07)	4.672	562				4.110	-	-	-		1
4	- Trụ sở Công an phường Trần Quang Khải	TPND	05-06	3191 (18/10/05)	1.571	171				1.450	50	-	-		1
5	- Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển tỉnh Nam Định giai đoạn 2015-2020	Giao Thủy, Hải Hậu, Nghĩa Hưng	15-23	1225 (30/06/15) 2515 (06/11/17)	697	697				428	428	-	-		1
6	- Cải tạo, nâng cấp khuôn viên trước cửa trụ sở Huyện ủy - UBND huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định	Vụ Bản	16-17	1951 (16/9/16)	10.751	2.702				5.328	600	527	527		1
7	- Xây dựng, cải tạo, nâng cấp một số hạng mục trụ sở làm việc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Nam Định (Dự án không giải ngân được trong 03 năm 2018, 2019, 2020)	TPND	10-11	1757 (25/8/10)	6.147	6.147				4.470	4.470	1.110	1.110		1
8	- Xây dựng nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ Trường THPT C Nghĩa Hưng, huyện Nghĩa Hưng	Nghĩa Hưng	16-18	2323 (19/10/16)	8.500	8.500				7.730	7.730	770	770		1

[illegible]